



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

ő

te

én

mi

ez/az

ő

mi

ők

ti

miért

hol

ki

mikor

melyik

hogyan

igazán

ha

akkor

nem

mert

de

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

minden

az

ez

itt

és

vagy

jobb

bal

ott

délelőtt

délelőtt, délelőttöt, délelőttök,
délelőttje

délután

délután, délutánt, délutánok,
délutánja

most

este

este, estét, esték, estéje

reggel

reggel, reggelt, reggelek, reggele

éjjel

éjjel, éjjelt, éjjelek, éjjele

óra

óra, órát, órák, órája

éjfél

éjfél, éjfél, éjfélek, éjfélje

dél

dél, deket, dekek, dele

nap

nap, napot, napok, napja

másodperc

másodperc, másodpercet,
másodpercek, másodperce

perc

perc, percet, percek, perce

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

év

év, évet, évek, éve

hónap

hónap, hónapot, hónapok, hónapja

hét

hét, hetet, hetek, hete

holnap

ma

tegnap

szerda

szerda, szerdát, szerdák, szerdája

kedd

kedd, keddet, keddek, keddje

hétfő

hétfő, hétfőt, hétfők, hétfője

szombat

szombat, szombatot, szombatok, szombatja

péntek

péntek, pénteket, péntek, péntekje

csütörtök

csütörtök, csütörtököt, csütörtökök, csütörtökje

férfi

férfi, férfit, férfiak, férfia

nő

nő, nőt, nők, nője

vasárnap

vasárnap, vasárnapot, vasárnapok, vasárnapja

barátnő

barátnő, barátnőt, barátnők, barátnője

barát

barát, barátot, barátok, barátja

szeretet

szeretet, szeretetet, szeretetek, szeretete

szex

szex, szexet, szexek, szexe

csók

csók, csókot, csókot, csókja

barát

barát, barátot, barátok, barátja

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

fiú

fiú, fiút, fiúk, fiúja

lány

lány, lányt, lányok, lánya

gyermek

gyermek, gyermeket, gyermekek,
gyermeke

anya

anya, anyát, anyák, anyja

apu

apu, aput, apuk, apja

anyu

anyu, anyut, anyuk, anyuja

fiú

fiú, fiút, fiúk, fiúja

szülők

szülő, szülőt, szülők, szüleje

apa

apa, apát, apák, apja

öcs

öcs, öccsét, öcsök, öccse

húg

húg, húgot, húgok, húga

lány

lány, lányt, lányok, lánya

férj

férj, férjet, férjek, férje

báty

báty, bátyát, bátyák, bátyja

nővér

nővér, nővért, nővérek, nővére

mindig

minden

feleség

feleség, feleséget, feleségek,
felesége

már

ismét

valójában

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

több

legtöbb

kevesebb

kint

nagyon

semmi

közel

messze

bent

mellett

felett

alul

mindenki

hátral

elől

tavas

tavas, tavaszt, tavaszok, tavasza

más

együtt

tél

tél, telet, telek, tele

ősz

ősz, őszet, őszek, ősze

nyár

nyár, nyarat, nyarak, nyara

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

március

március, márciust, márciusok,
márciusa

február

február, februárt, februárok,
februárja

január

január, januárt, januárok, januárja

június

június, júniust, júniusok, júniusa

május

május, májust, májusok, májusa

április

április, áprilist, áprilisok, áprilisa

szeptember

szeptember, szeptembert,
szeptemberek, szeptembere

augusztus

augusztus, augusztust, augusztusok,
augusztusa

július

július, júliust, júliusok, júliusa

december

december, decembert, decemberek,
decembere

november

november, novembert, novemberek,
novembere

október

október, októbert, októberek,
októbere

dél

kelet

észak

azonnal

gyakran

nyugat

habár

hirtelen

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

kettő

egy

nulla

öt

négy

három

nyolc

hét

hat

tizenegy

tíz

kilenc

tizennégy

tizenhárom

tizenkettő

tizenhét

tizenhat

tizenöt

húsz

tizenkilenc

tizennyolc

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

huszonhat

huszonkettő

huszonegy

harminchárom

harmincegy

harminc

negyvenegy

negyven

harminchét

ötven

negyvennyolc

negyvennégy

ötvenkilenc

ötvenöt

ötvenegy

hatvankettő

hatvanegy

hatvan

hetvenegy

hetven

hatvanhat

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

nyolcvan

hetvenhét

hetvenhárom

nyolcvannyolc

nyolcvannégy

nyolcvanegy

kilencvenöt

kilencvenegy

kilencven

százegy

száz

kilencvenkilenc

százötvenegy

száztíz

százöt

kétszázhat

kétszázkettő

kétszáz

háromszáz

kétszázhatvankettő

kétszázhusz

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

háromszázharminc

háromszázhét

háromszázhárom

négyszáznég

négyszáz

háromszázhetvenhárom

négyszáznyolcvannég

négyszáznegyven

négyszáznyolc

ötszázkilenc

ötszázöt

ötszáz

hatszáz

ötszázkilencvenöt

ötszázötven

hatszáztizenhat

hatszázhat

hatszázegy

hétszázkettő

hétszáz

hatszázhatvan

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

hétszázhetven

hétszázhuszonhét

hétszázhét

nyolcszáznyolc

nyolcszázhárom

nyolcszáz

kilencszáz

nyolcszáznyolcvan

nyolcszázharmincnyolc

kilencszáznegyvenkilenc

kilencszázkilenc

kilencszáznégyszáz

ezeregy

ezer

kilencszázkilencven

kétezer

ezerkétszázharmincnégyszáz

ezertizenkettő

kétezerháromszáznegyvenöt

kétezerhuszonhárom

kétezerkettő

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

négyezer

háromezerhárom

háromezer

ötezerhatszázhetvennyolc

ötezer

négyezernegyvenöt

hétezernyolcszázkilencven

hétezer

hatezer

kilencezer

nyolcezerkilencszázegy

nyolcezer

tízezeregy

tízezer

kilencezerkilencven

negyvennégyezer

harmincezerháromszáz

húszezerhús

egymillió

ötszázezer

százezer

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

hetvenmillió

tízmillió

hatmillió

egymilliárd

nyolcszázmillió

százmillió

húszmilliárd

tízmilliárd

kilencmilliárd

egybillió

háromszázmilliárd

százmilliárd

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

jönni
jön, jönni, jött

gondolkodni
gondolkodik, gondolkodni,
gondolkodott

tudni
tud, tudni, tudott

találni
talál, találni, talált

vinni
visz, vinni, vitt

rakni
rak, rakni, rakott

beszélni
beszél, beszélni, beszélt

dolgozni
dolgozik, dolgozni, dolgozott

hallgatni
hallgat, hallgatni, hallgatott

segíteni
segít, segíteni, segített

kedvelni
kedvel, kedvelni, kedvelt

adni
ad, adni, adott

várni
vár, várni, várt

felhívni
felhív, felhívni, felhívott

szeretni
szeret, szeretni, szeretett

zárni
zár, zárni, zárt

ülni
ül, ülni, ült

állni
áll, állni, állt

nyerni
nyer, nyerni, nyert

veszíteni
veszít, veszíteni, veszített

nyitni
nyit, nyitni, nyitott

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

bekapcsolni

bekapcsol, bekapcsolni, bekapcsolt

élni

él, élni, élt

meghalni

meghal, meghalni, meghalt

megsérülni

megsérül, megsérülni, megsérült

ölni

öl, ölni, ölt

kikapcsolni

kikapcsol, kikapcsolni, kikapcsolt

inni

iszik, inni, ivott

nézni

néz, nézni, nézett

megérinteni

megérint, megérinteni, megérintett

találkozni

találkozik, találkozni, találkozott

járni

jár, járni, járt

enni

eszik, enni, evett

követni

követ, követni, követett

csókolni

csókol, csókolni, csókolt

fogadni

fogad, fogadni, fogadott

kérdezni

kérdez, kérdezni, kérdezett

válaszolni

válaszol, válaszolni, válaszolt

házasodni

házasodik, házasodni, házasodott

megnyomni

megnyom, megnyomni, megnyomott

tolni

tol, tolni, tolt

húzni

húz, húzni, húzott

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

harcolni

harcol, harcolni, harcolt

elkapni

elkap, elkapni, elkapott

megütni

megüt, megütni, megütött

olvasni

olvas, olvasni, olvasott

futni

fut, futni, futott

dobni

dob, dobni, dobott

számolni

számol, számolni, számolt

megjavítani

megjavít, megjavítani, megjavított

írni

ír, írni, írt

vásárolni

vásárol, vásárolni, vásárolt

eladni

elad, eladni, eladott

vágni

vág, vágni, vágott

álmodni

álmodik, álmodni, álmodott

tanulni

tanul, tanulni, tanult

fizetni

fizet, fizetni, fizetett

ünnepelni

ünnepel, ünnepelni, ünnepelt

játszani

játszik, játszani, játszott

aludni

alszik, aludni, aludt

lőni

lő, lőni, lőtt

tisztítani

tisztít, tisztítani, tisztított

élvezni

élvez, élvezni, élvezett

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

lopni

lop, lopni, lopott

támadni

támad, támadni, támadt

megvédeni

megvéd, megvédeni, megvédett

repülni

repül, repülni, repült

megmenteni

megment, megmenteni, megmentett

égni

ég, égni, égett

harapni

harap, harapni, harapott

rúgni

rúg, rúgni, rúgott

köpn

köp, köpn, köpött

sírni

sír, sírni, sírt

szagolni

szagol, szagolni, szagolt

lélegezni

lélegzik, lélegezni, lélegzett

nevetni

nevet, nevetni, nevetett

mosolyogni

mosolyog, mosolyogni, mosolygott

énekelni

énekel, énekelni, énekelt

vitatkozni

vitatkozik, vitatkozni, vitatkozott

zsugorodni

zsugorodik, zsugorodni, zsugorodott

nőni

nő, nőni, nőtt

elbújni

elbújik, elbújni, elbújt

etetni

etet, etetni, etetett

megosztani

megoszt, megosztani, megosztott

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

ugrani
ugrik, ugrani, ugrott

úszni
úszik, úszni, úszott

figyelmeztetni
figyelmeztet, figyelmeztetni,
figyelmeztetett

szállítani
szállít, szállítani, szállított

ásni
ás, ásni, ásott

emelni
emel, emelni, emelt

utazni
utazik, utazni, utazott

gyakorolni
gyakorol, gyakorolni, gyakorolt

keresni
keres, keresni, keresett

bezárni
bezár, bezárni, bezárt

kinyitni
kinyit, kinyitni, kinyitott

festeni
fest, festeni, festett

főzni
főz, főzni, főzött

imádkozni
imádkozik, imádkozni, imádkozott

mosni
mos, mosni, mosott

idézni
idéz, idézni, idézett

kiáltani
kiált, kiáltani, kiáltott

hányni
hány, háyni, hányt

keresni
keres, keresni, keresett

kiszámolni
kiszámol, kiszámolni, kiszámolt

nyomtatni
nyomtat, nyomtatni, nyomtatott

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

kevés

régi

új

helyes

helytelen

sok

boldog

jó

rossz

kicsi

hosszú

rövid

fiatal

szép

nagy

fekete

fehér

öreg

zöld

kék

piros

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

gyors

lassú

sárga

igazságos

igazságtalan

vicces

gazdag

könnyű

nehéz

gyenge

erős

szegény

büszke

fáradt

biztonságos

egészséges

beteg

jóllakott

magas

alacsony

dühös

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

puha

savanyú

édes

hülye

aranyos

kemény

magas

elfoglalt

őrült

meglepődött

aggódó

alacsony

okos

gonosz

illedelmes

narancs

forró

hideg

rózsaszín

barna

szürke

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

könnyű

nehéz

unalmas

szomjas

éhes

magányos

lapos

meredek

szomorú

mély

széles

szűk

piszkos

hatalmas

sekély

üres

teli

tiszta

szexi

olcsó

drága

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

nagylelkű

bátor

lusta

hangos

száraz

nedves

esős

napos

halk

felhős

ködös

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

futás

futás, futást, futások, futása

tenisz

tenisz, teniszt, teniszek, tenisze

torna

torna, tornát, tornák, tornája

labdarúgás

labdarúgás, labdarúgást,
labdarúgások, labdarúgása

golf

golf, golfot, golfok, golfja

kerékpározás

kerékpározás, kerékpározást,
kerékpározások, kerékpározása

búvárkodás

búvárkodás, búvárkodást,
búvárkodások, búvárkodása

úszás

úszás, úszást, úszások, úszása

kosárlabda

kosárlabda, kosárlabdát,
kosárlabdák, kosárlabdája

triathlon

triathlon, triatlont, triathlonok, triatlona

maraton

maraton, maratont, maratonok,
maratonja

túrázás

túrázás, túrázást, túrázások,
túrázása

ökölvívás

ökölvívás, ökölvívást, ökölvívások,
ökölvívása

súlyemelés

súlyemelés, súlyemelést,
súlyemelések, súlyemelése

asztalitenisz

asztalitenisz, asztaliteniszt,
asztaliteniszek, asztalitenisze

snowboard

snowboard, snowboardot,
snowboardok, snowboardja

műkorcsolya

műkorcsolya, műkorcsolyát,
műkorcsolyák, műkorcsolyája

tollaslabda

tollaslabda, tollaslabdát,
tollaslabdák, tollaslabdája

jégchoki

jégchoki, jégchokit, jégchokik, jégchokija

sífutás

sífutás, sífutást, sífutások, sífutása

síelés

síelés, síelést, síelések, síelése

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

strandröplabda

strandröplabda, strandröplabdát,
strandröplabdák, strandröplabdája

kézilabda

kézilabda, kézilabdát, kézilabdák,
kézilabdája

röplabda

röplabda, röplabdát, röplabdák,
röplabdája

baseball

baseball, baseballt, baseballok,
baseballja

krikett

krikett, krikettet, krikettek, krikettje

rögbi

rögbi, rögbi, rögbik, rögbije

műugrás

műugrás, műugrást, műugrások,
műugrása

vízilabda

vízilabda, vízilabdát, vízilabdák,
vívildájája

amerikai futball

futball, futballt, futballok, futballja

evezés

evezés, evezést, evezések, evezése

vitórlázás

vitórlázás, vitórlázást, vitórlázások,
vitórlázása

szörfözés

szörfözés, szörfözést, szörfözések,
szörfözése

ejtőernyőzés

ejtőernyőzés, ejtőernyőzést,
ejtőernyőzések, ejtőernyőzése

táncolás

táncolás, táncolást, táncolások,
táncolása

jóga

jóga, jógát, jógák, jógája

bowling

bowling, bowlingot, -, bowlingja

póker

póker, pókert, pókerek, pókerja

sakk

sakk, sakkot, sakkok, sakkja

balett

balett, balettet, balettek, balettje

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

ló

ló, lovat, lovak, lova

tehén

tehén, tehenet, tehenek, tehene

disznó

disznó, disznót, disznók, disznaja

majom

majom, majmot, majmok, majma

juh

juh, juhot, juhok, juha

kutya

kutya, kutyát, kutyák, kutyája

csirke

csirke, csirkét, csirkék, csirkéje

medve

medve, medvét, medvék, medvéje

macska

macska, macskát, macskák, macskája

méh

méh, méhet, méhek, méhe

pillangó

pillangó, pillangót, pillangók, pillangója

kacsa

kacsa, kacsát, kacsák, kacsája

kígyó

kígyó, kígyót, kígyók, kígyója

pók

pók, pókot, pókok, pókja

hal

hal, halat, halak, hala

nyúl

nyúl, nyulat, nyulak, nyula

egér

egér, egeret, egerek, egere

tigris

tigris, tigrist, tigrisek, tigrise

elefánt

elefánt, elefántot, elefántok, elefántja

szamár

szamár, szamarat, szamarak, szamara

oroszlán

oroszlán, oroszlánt, oroszlánok, oroszlánja

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

szúnyog

szúnyog, szúnyogot, szúnyogok,
szúnyogja

bogár

bogár, bogarat, bogarak, bogara

galamb

galamb, galambot, galambok,
galambja

bálna

bálna, bálnát, bálnák, bálnája

hangya

hangya, hangyát, hangyák, hangyája

légy

légy, legyet, legyek, legye

csiga

csiga, csigát, csigák, csigája

delfin

delfin, delfint, delfinek, delfinje

cápa

cápa, cápát, cápák, cápája

jegesmedve

jegesmedve, jegesmedvét,
jegesmedvék, jegesmedvéje

óriáspanda

óriáspanda, óriáspandát,
óriáspandák, óriáspandája

béka

béka, békát, békák, békája

kenguru

kenguru, kengurut, kenguruk,
kenguruja

koala

koala, koalát, koalák, koalája

farkas

farkas, farkast, farkasok, farkasa

víziló

víziló, vízilovat, vízilovak, vízilója

róka

róka, rókát, rókák, rókája

zsiráf

zsiráf, zsiráfot, zsiráfok, zsiráfja

hattyú

hattyú, hattyút, hattyúk, hattyúja

holló

holló, hollót, hollók, hollója

denevér

denevér, denevért, denevérek,
denevére

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

pingvin

pingvin, pingvint, pingvinek,
pingvinje

bagoly

bagoly, baglyot, baglyok, baglya

sirály

sirály, sirályt, sirályok, sirálya

szitakötő

szitakötő, szitakötőt, szitakötők,
szitakötője

hernyó

hernyó, hernyót, hernyók, hernyója

papagáj

papagáj, papagájt, papagájok,
papagája

csikóhal

csikóhal, csikóhalat, csikóhalak,
csikóhala

polip

polip, polipot, polipok, polipja

tintahal

tintahal, tintahalat, tintahalak,
tintahala

rák

rák, rákot, rákok, rákja

medúza

medúza, medúzát, medúzák,
medúzája

fóka

fóka, fókát, fókák, fókája

krokodil

krokodil, krokodilt, krokodilok,
krokodilja

teknős

teknős, teknőst, teknősök, teknőse

dinoszaurusz

dinoszaurusz, dinoszauruszt,
dinoszauruszok, dinoszaurusza

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Amerika, Amerikát, -, Amerikája

Ázsia

Ázsia, Ázsiát, -, Ázsiája

Európa

Európa, Európát, -, Európája

Spanyolország

Spanyolország, Spanyolországot, -,
Spanyolországa

Egyesült Királyság

Királyság, Királyságot, -, Királysága

Afrika

Afrika, Afrikát, -, Afrikája

Franciaország

Franciaország, Franciaországot, -,
Franciaországa

Olaszország

Olaszország, Olaszországot, -,
Olaszországa

Svájc

Svájc, Svájcot, -, Svájca

Szingapúr

Szingapúr, Szingapúrt, -, Szingapúrja

Thaiföld

Thaiföld, Thaiföldet, -, Thaiföldje

Németország

Németország, Németországot, -,
Németországa

Izrael

Izrael, Izraelt, -, Izraelje

Japán

Japán, Japánt, -, Japána

Oroszország

Oroszország, Oroszországot, -,
Oroszországa

Amerikai Egyesült Államok

állam, államot, államok, állama

Kína

Kína, Kínát, -, Kínája

India

India, Indiát, -, Indiája

Chile

Chile, Chilét, -, Chiléje

Kanada

Kanada, Kanadát, -, Kanadája

Mexikó

Mexikó, Mexikót, -, Mexikója

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Dél-Afrika

Afrika, Afrikát, -, Afrikája

Argentína

Argentína, Argentínát, -, Argentínája

Brazília

Brazília, Brazíliát, -, Brazíliája

Líbia

Líbia, Líbiát, -, Líbiája

Marokkó

Marokkó, Marokkót, -, Marokkója

Nigéria

Nigéria, Nigériát, -, Nigériája

Egyiptom

Egyiptom, Egyiptomot, -, Egyiptoma

Algéria

Algéria, Algériát, -, Algériája

Kenya

Kenya, Kenyát, -, Kenyája

Ausztrália

Ausztrália, Ausztráliát, -, Ausztráliája

Új-Zéland

Új-Zéland, Új-Zélandot, -, Új-Zélandja

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

haj

haj, haját, hajak, haja

orr

orr, orrot, orrok, orra

fej

fej, fejet, fejek, feje

szem

szem, szemet, szemek, szeme

fül

fül, fület, fülek, füle

száj

száj, száját, szájak, szája

szív

szív, szívet, szívek, szíve

lábfej

lábfej, lábfejet, lábfejek, lábfeje

kéz

kéz, kezét, kezek, keze

fenék

fenék, feneket, fenekék, feneke

nyak

nyak, nyakat, nyakak, nyaka

agy

agy, agyat, agyak, agya

láb

láb, lábat, lábak, lába

térd

térd, térdet, térdek, térde

váll

váll, vállat, vállak, válla

kebel

kebel, keblet, keblek, keble

has

has, hasat, hasak, hasa

kar

kar, kart, karok, karja

nyelv

nyelv, nyelvet, nyelvek, nyelve

fog

fog, fogat, fogak, foga

hát

hát, hátat, hátak, háta

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

lábujj

lábujj, lábujjat, lábujjak, lábujja

ujj

ujj, ujjat, ujjak, ujjja

ajak

ajak, ajkat, ajkak, ajka

máj

máj, májat, májak, mája

tüdő

tüdő, tüdőt, tüdők, tüdője

gyomor

gyomor, gyomrot, gyomrok, gyomra

bél

bél, belet, belek, bele

vese

vese, vesét, vesék, veséje

ideg

ideg, ideget, idegek, idege

orca

orca, orcát, orcák, orcája

áll

áll, állat, állak, állja

homlok

homlok, homlokot, homlokok, homloka

kisujj

kisujj, kisujjat, kisujjak, kisujja

hüvelykujj

hüvelykujj, hüvelykujjat, hüvelykujjak, hüvelykujja

szakáll

szakáll, szakállt, szakállak, szakállja

mutatóujj

mutatóujj, mutatóujjat, mutatóujjak, mutatóujja

középső ujj

középső ujj, középső ujjat, középső ujjak, középső ujjja

gyűrűsujj

gyűrűsujj, gyűrűsujjat, gyűrűsujjak, gyűrűsujja

gerinc

gerinc, gerincet, gerincek, gerince

sarok

sarok, sarkot, sarkok, sarka

köröm

köröm, köröt, körnök, körme

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

csontváz

csontváz, csontvázat, csontvázak,
csontváza

csont

csont, csontot, csontok, csontja

izom

izom, izmot, izmok, izma

húgyhólyag

húgyhólyag, húgyhólyagot,
húgyhólyagok, húgyhólyaga

csigolya

csigolya, csigolyát, csigolyák,
csigolyája

borda

borda, bordát, bordák, bordája

hüvely

hüvely, hüvelyt, hüvelyek, hüvelye

artéria

artéria, artériát, artériák, artériája

véna

véna, vénát, vénák, vénája

here

here, herét, herék, heréje

pénisz

pénisz, péniszt, péniszek, pénisze

sperma

sperma, spermát, spermák,
spermája

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

fürdőszoba

fürdőszoba, fürdőszobát,
fürdőszobák, fürdőszobája

konyha

konyha, konyhát, konyhák, konyhája

ajtó

ajtó, ajtót, ajtók, ajtaja

kert

kert, kertét, kertek, kertje

hálószoba

hálószoba, hálószobát, hálószobák,
hálószobája

nappali

nappali, nappalit, nappalik, nappalija

pince

pince, pincét, pincék, pincéje

fal

fal, falat, falak, fala

garázs

garázs, garázst, garázsok, garázsa

tető

tető, tetőt, tetők, teteje

lépcső

lépcső, lépcsőt, lépcsők, lépcsője

vécé

vécé, vécét, vécék, vécéje

csésze

csésze, csészét, csészék, csészéje

kés

kés, kést, kések, kése

ablak

ablak, ablakot, ablakok, ablaka

csésze

csésze, csészét, csészék, csészéje

tányér

tányér, tányért, tányérok, tányérja

pohár

pohár, poharat, poharak, pohara

íróasztal

íróasztal, íróasztalt, íróasztalok,
íróasztala

tál

tál, tálát, tálak, tála

szemetes

szemetes, szemetest, szemetesek,
szemetese

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xếp

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

zuhany

zuhany, zuhanyt, zuhanyok, zuhanya

tükör

tükör, tükröt, tükrök, tükre

ágy

ágy, ágyat, ágyak, ágya

óra

óra, órát, órák, órája

kép

kép, képet, képek, képe

kanapé

kanapé, kanapét, kanapék, kanapéja

szomszéd

szomszéd, szomszédot, szomszédok,
szomszédja

szék

szék, széket, székek, széke

asztal

asztal, asztalt, asztalok, asztala

padlás

padlás, padlást, padlások, padlója

erkély

erkély, erkélyt, erkélyek, erkélye

lift

lift, liftet, liftek, liftje

evőpálcika

evőpálcika, evőpálcikát, evőpálcikák,
evőpálcikája

fakanál

fakanál, fakanalat, fakanalak,
fakanala

kémény

kémény, kéményt, kémények,
kéménye

villa

villa, villát, villák, villája

kanál

kanál, kanalat, kanalak, kanala

evőeszköz

evőeszköz, evőeszközt, evőeszközök,
evőeszköze

serpenyő

serpenyő, serpenyőt, serpenyők,
serpenyője

fazék

fazék, fazekat, fazékok, fazékja

merőkanál

merőkanál, merőkanalat,
merőkanalak, merőkanala

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

függöny

függöny, függönyt, függönyök,
függönye

könyvespolc

könyvespolc, könyvespolcot,
könyvespolcok, könyvespolca

villanykörte

villanykörte, villanykörtét,
villanykörték, villanykörtéje

takaró

takaró, takarót, takarók, takarója

párna

párna, párnát, párnák, párnája

matrac

matrac, matracot, matracok,
matraca

ruhásszekrény

ruhásszekrény, ruhásszekrényt,
ruhásszekrények, ruhásszekrénye

fiók

fiók, fiókot, fiókok, fiókja

polc

polc, polcot, polcok, polca

mérleg

mérleg, mérleget, mérlegek,
mérlege

seprű

seprű, seprűt, seprűk, seprűje

vödör

vödör, vödört, vödrök, vödre

fürdőlepedő

fürdőlepedő, fürdőlepedőt,
fürdőlepedők, fürdőlepedője

fürdőkád

fürdőkád, fürdőkádat, fürdőkádak,
fürdőkádja

szennyeskosár

szennyeskosár, szennyeskosarat,
szennyeskosarak, szennyeskosara

törülköző

törülköző, törülközőt, törülközők,
törülközője

vécépapír

vécépapír, vécépapírt, vécépapírok,
vécépapírja

szappan

szappan, szappant, szappanok,
szappanja

postaláda

postaláda, postaládát, postaládák,
postaládája

létra

létra, létrát, létrák, létrája

mosdó

mosdó, mosdót, mosdók, mosdója

hàng rào



kerítés
kerítés, kerítést, kerítések, kerítése

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

tej

tej, tejet, tejek, teje

sajt

sajt, sajtot, sajtok, sajtja

tojás

tojás, tojást, tojások, tojása

csont

csont, csontot, csontok, csontja

hús

hús, húst, húсок, húsa

hal

hal, halat, halak, hala

cukor

cukor, cukrot, cukrok, cukra

kenyér

kenyér, kenyeret, kenyerek, kenyere

olaj

olaj, olajat, olajok, olaja

torta

torta, tortát, torták, tortája

cukorka

cukorka, cukorkát, cukorkák,
cukorkája

csokoládé

csokoládé, csokoládét, csokoládék,
csokoládéja

tea

tea, teát, teák, teája

kávé

kávé, kávét, kávék, kávéja

víz

víz, vizet, vizek, vize

saláta

saláta, salátát, saláták, salátája

bor

bor, bort, borok, bora

sör

sör, sört, sörök, söre

reggeli

reggeli, reggelit, reggelik, reggelije

desszert

desszert, desszertet, desszertek,
desszertje

leves

leves, levest, levesek, levese

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

pizza, pizzát, pizzák, pizzája

vacsora

vacsora, vacsorát, vacsorák,
vacsorája

ebéd

ebéd, ebédet, ebédek, ebédje

joghurt

joghurt, joghurtot, joghurtok,
joghurtja

vaj

vaj, vaját, -, vaja

jégkrém

jégkrém, jégkrémet, jégkrémek,
jégkréme

sonka

sonka, sonkát, sonkák, sonkája

lazac

lazac, lazacot, lazacok, lazaca

tonhal

tonhal, tonhalat, tonhalak, tonhala

pulykahús

pulykahús, pulykahúst, pulykahúsok,
pulykahúsa

kolbász

kolbász, kolbászt, kolbászok,
kolbásza

szalonna

szalonna, szalonnát, szalonnák,
szalonnája

sertéshús

sertéshús, sertéshúst, sertéshúsok,
sertéshúsa

marhahús

marhahús, marhahúst, marhahúsok,
marhahúsa

csirkehús

csirkehús, csirkehúst, csirkehúsok,
csirkehúsa

gomba

gomba, gombát, gombák, gombája

sütőtök

sütőtök, sütőtököt, sütőtökök,
sütőtökje

báránhús

báránhús, báránhúst,
báránhúsok, báránhúsa

póréhagyma

póréhagyma, póréhagymát,
póréhagymák, póréhagymája

fokhagyma

fokhagyma, fokhagymát,
fokhagymák, fokhagymája

szarvasgomba

szarvasgomba, szarvasgombát,
szarvasgombák, szarvasgombája

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

édesburgonya

édesburgonya, édesburgonyát,
édesburgonyák, édesburgonyája

padlizsán

padlizsán, padlizsánt, padlizsánok,
padlizsánja

gyömbér

gyömbér, gyömbért, gyömbérek,
gyömbére

chili

chili, chilit, chilik, chilije

uborka

uborka, uborkát, uborkák, uborkája

sárgarépa

sárgarépa, sárgarépát, sárgarépák,
sárgarépája

burgonya

burgonya, burgonyát, burgonyák,
burgonyája

hagyma

hagyma, hagymát, hagymák,
hagymája

paprika

paprika, paprikát, paprikák,
paprikája

brokkoli

brokkoli, brokkolit, brokkolik,
brokkolija

káposzta

káposzta, káposztát, káposzták,
káposztája

karfiol

karfiol, karfiolt, karfiolok, karfiolja

bambusz

bambusz, bambuszt, bambuszok,
bambusza

spenót

spenót, spenótot, spenótok, spenótja

fejes saláta

saláta, salátát, saláták, salátája

borsó

borsó, borsót, borsók, borsója

zeller

zeller, zellert, zellerek, zellerje

kukorica

kukorica, kukoricát, kukoricák,
kukoricája

alma

alma, almát, almák, almája

körte

körte, körtét, körték, körtéje

bab

bab, babot, babok, babja

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

datolya

datolya, datolyát, datolyák, datolyája

füge

füge, fügét, fügék, fügéje

olajbogyó

olajbogyó, olajbogyót, olajbogyók,
olajbogyója

mogyoró

mogyoró, mogyorót, mogyorók,
mogyorója

mandula

mandula, mandulát, mandulák,
mandulája

kókuszdió

kókuszdió, kókuszdiót, kókuszdiók,
kókuszdiója

mangó

mangó, mangót, mangók, mangója

banán

banán, banánt, banánok, banánja

földimogyoró

földimogyoró, földimogyorót,
földimogyorók, földimogyorója

ananász

ananász, ananászt, ananászok,
ananásza

avokádó

avokádó, avokádót, avokádók,
avokádója

kivi

kivi, kivit, kivik, kivije

sárgadinnye

sárgadinnye, sárgadinnyét,
sárgadinnyék, sárgadinnyéje

szőlő

szőlő, szőlőt, szőlők, szőlője

görögdinnye

görögdinnye, görögdinnyét,
görögdinnyék, görögdinnyéje

eper

eper, epret, eprek, eperje

áfonya

áfonya, áfonyát, áfonyák, áfonyája

málna

málna, málnát, málnák, málnája

sárgabarack

sárgabarack, sárgabarackot,
sárgabarackok, sárgabarackja

szilva

szilva, szilvát, szilvák, szilvája

cseresznye

cseresznye, cseresznyét,
cseresznyék, cseresznyéje

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grépfrút

grépfrút, grépfrútot, grépfrútok,
grépfrútja

citrom

citrom, citromot, citromok, citromja

őszibarack

őszibarack, őszibarackot,
őszibarackok, őszibarackja

menta

menta, mentát, menták, mentája

paradicsom

paradicsom, paradicsomot,
paradicsomok, paradicsomja

narancs

narancs, narancsot, narancsok,
narancsa

vanília

vanília, vaníliát, -, vaníliája

fahéj

fahéj, fahéjat, fahéjak, fahéja

citromfű

citromfű, citromfüvet, citromfüvek,
citromfüve

curry

curry, curryt, curryk, curryja

bors

bors, borsot, borsok, borsja

só

só, sót, sók, sója

ecet

ecet, ecetet, ecetek, ecetje

tofu

tofu, tofut, tofuk, tofuja

dohány

dohány, dohányt, dohányok,
dohánya

liszt

liszt, lisztet, lisztek, lisztje

szójatej

szójatej, szójatejet, szójatejek,
szójateje

tészta

tészta, tésztát, tészták, tésztája

búza

búza, búzát, búzák, búzája

zab

zab, zabot, zabok, zabja

rizs

rizs, rizsát, rizsák, rizsája

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

méz

méz, mézet, mézek, méze

dió

dió, diót, diók, diója

szója

szója, szóját, szóják, szójája

amerikai palacsinta

palacsinta, palacsintát, palacsinták,
palacsintája

rágógumi

rágógumi, rágógumit, rágógumik,
rágógumija

lekvár

lekvár, lekvárt, lekvárok, lekvárja

muffin

muffin, muffint, muffinok, muffinja

puding

puding, pudingot, pudingok, pudingja

aprósütemény

aprósütemény, aprósüteményt,
aprósütemények, aprósüteménye

narancslé

narancslé, narancslevet,
narancslevek, narancsleve

energiaital

energiaital, energiaitalt,
energiaitalok, energiaitala

fánk

fánk, fánkot, fánkok, fánkja

kóla

kóla, kólát, kólák, kólája

tejturmix

tejturmix, tejturmixot, tejturmixok,
tejturmixa

almalé

almalé, almalevet, almalevek,
almaleve

rum

rum, rumot, rumok, rumja

koktél

koktél, koktél, koktélok, koktélja

forró csokoládé

csokoládé, csokoládét, csokoládék,
csokoládéja

menü

menü, menüt, menük, menüje

vodka

vodka, vodkát, vodkák, vodkája

whisky

whisky, whiskyt, whiskyk, whiskyje

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

sushi, sushit, sushik, sushija

spagetti

spagetti, spagettit, spagettik,
spagettije

tenger gyümölcsei

-, tenger gyümölcseit, tenger
gyümölcsei, -

csirkeszárnyak

csirkeszárny, csirkeszárnyat,
csirkeszárnyak, csirkeszárnya

chips

chips, chipset, chipsek, chipse

pattogatott kukorica

kukorica, kukoricát, kukoricák,
kukoricája

majonéz

majonéz, majonézt, majonézek,
majonéze

mustár

mustár, mustárt, mustárok, mustára

hasábburgonya

hasábburgonya, hasábburgonyát,
hasábburgonyák, hasábburgonyája

hot dog

hot dog, hot dogot, hot dogok, hot
dogja

szendvics

szendvics, szendvicset, szendvicsek,
szendvicse

paradicsom szósz

szósz, szószot, szószok, szósza

burger

burger, burgert, burgerek, burgere

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

nghiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

házi feladat

feladat, feladatot, feladatok, feladata

könyvtár

könyvtár, könyvtárat, könyvtárak,
könyvtára

könyv

könyv, könyvet, könyvek, könyve

tudomány

tudomány, tudományt, tudományok,
tudománya

tanóra

tanóra, tanórát, tanórák, tanórája

vizsga

vizsga, vizsgát, vizsgák, vizsgája

toll

toll, tollat, tollak, tolla

művészet

művészet, művészetet, művészetek,
művészete

történelem

történelem, történelmet,
történelmek, történelme

második**első****ceruza**

ceruza, ceruzát, ceruzák, ceruzája

kutatás

kutatás, kutatást, kutatások,
kutatása

negyedik**harmadik****szótár**

szótár, szótárat, szótárak, szótára

sportpálya

sportpálya, sportpályát, sportpályák,
sportpályája

tudományos fokozat

fokozat, fokozatot, fokozatok,
fokozata

geometria

geometria, geometriát, geometriák,
geometriája

füzet

füzet, füzetet, füzetek, füzete

időszak

időszak, időszakot, időszakok,
időszaka

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

közgazdaságtan

közgazdaságtan, közgazdaságtant,
közgazdaságtanok, közgazdaságtana

filozófia

filozófia, filozófiát, filozófiák,
filozófiája

politika

politika, politikát, politikák, politikája

matematika

matematika, matematikát,
matematikák, matematikája

biológia

biológia, biológiát, biológiák,
biológiája

testnevelés

testnevelés, testnevelést,
testnevelések, testnevelése

kémia

kémia, kémiát, kémiák, kémiája

irodalom

irodalom, irodalmat, irodalmak,
irodalma

földrajz

földrajz, földrajzot, földrajzok,
földrajza

radír

radír, radírt, radírok, radírja

vonalzó

vonalzó, vonalzót, vonalzókat,
vonalzója

fizika

fizika, fizikát, fizikák, fizikája

ragasztó

ragasztó, ragasztót, ragasztók,
ragasztója

ragasztószalag

ragasztószalag, ragasztószalagot,
ragasztószalagok, ragasztószalagja

olló

olló, ollót, ollók, ollója

három százalék**gemkapocs**

gemkapocs, gemkapcsot,
gemkapcsok, gemkapcsa

golyóstoll

golyóstoll, golyóstollat, golyóstollak,
golyóstollja

köbméter

köbméter, köbmétert, köbméterek,
köbméterje

nulla százalék**száz százalék**

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

méter

méter, métert, méterek, métere

mérföld

mérföld, mérföldet, mérföldek,
mérföldje

négyzetméter

négyzetméter, négyzetmétert,
négyzetméterek, négyzetmétere

deciméter

deciméter, decimétert, deciméterek,
decimétere

centiméter

centiméter, centimétert,
centiméterek, centimétere

milliméter

milliméter, millimétert, milliméterek,
millimétere

szorzás

szorzás, szorzást, szorzások,
szorzása

kivonás

kivonás, kivonást, kivonások,
kivonása

összeadás

összeadás, összeadást, összeadások,
összeadása

térfogat

térfogat, térfogatot, térfogatok,
térfogata

terület

terület, területet, területek, területe

osztás

osztás, osztást, osztások, osztása

háromszög

háromszög, háromszöget,
háromszögek, háromszöge

négyzet

négyzet, négyzetet, négyzetek,
négyzete

téglalap

téglalap, téglalapot, téglalapok,
téglalapja

milliliter

milliliter, millilitert, milliliterek,
millilitere

liter

liter, litert, literék, litere

kör

kör, kört, körök, köre

gramm

gramm, grammot, grammok,
grammja

kilogramm

kilogramm, kilogrammot,
kilogrammok, kilogrammja

tonna

tonna, tonnát, tonnák, tonnája

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

tölcsér

tölcsér, tölcsért, tölcsérek, tölcsére

mikroszkóp

mikroszkóp, mikroszkópot,
mikroszkópok, mikroszkópja

mágnes

mágnes, mágnest, mágnesek,
mágnese

előadás

előadás, előadást, előadások,
előadása

laboratórium

laboratórium, laboratóriumot,
laboratóriumok, laboratóriuma

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

gyémánt

gyémánt, gyémántot, gyémántok,
gyémántja

tűz

tűz, tüzet, tűzek, tűze

hamu

hamu, hamut, hamuk, hamuja

csillag

csillag, csillagot, csillagok, csillaga

nap

nap, napot, napok, napja

hold

hold, holdat, holdak, holdja

tó

tó, tavat, tavak, tava

tengerpart

tengerpart, tengerpartot,
tengerpartok, tengerpartja

bolygó

bolygó, bolygót, bolygók, bolygója

domb

domb, dombot, dombok, dombja

sivatag

sivatag, sivatagot, sivatagok,
sivataga

erdő

erdő, erdőt, erdők, erdője

völgy

völgy, völgyet, völgyek, völgye

folyó

folyó, folyót, folyók, folyója

szikla

szikla, sziklát, sziklák, sziklája

óceán

óceán, óceánt, óceánok, óceánja

sziget

sziget, szigetet, szigetek, szigete

hegy

hegy, hegyet, hegyek, hegye

hó

hó, havat, havak, hója

jég

jég, jeget, jegek, jege

tenger

tenger, tengert, tengerek, tengere

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

szél

szél, szelet, szelek, szele

eső

eső, esőt, esők, esője

vihar

vihar, vihart, viharok, vihara

rózsa

rózsa, rózsát, rózsák, rózsája

fű

fű, fűvet, füvek, füve

fa

fa, fát, fák, fája

föld

föld, földet, földek, földje

fém

fém, fémet, fémek, féme

virág

virág, virágot, virágok, virága

homok

homok, homokot, homokok, homokja

szén

szén, szenet, szenek, szene

láva

láva, lávát, lávák, lávája

műhold

műhold, műholdat, műholdak,
műholdja

rakéta

rakéta, rakétát, rakéták, rakétája

agyag

agyag, agyagot, agyagok, agyagja

kontinens

kontinens, kontinenst, kontinensek,
kontinense

kisbolygó

kisbolygó, kisbolygót, kisbolygók,
kisbolygója

galaxis

galaxis, galaxist, galaxisok, galaxisa

Északi-sark

Északi-sark, Északi-sarkot, Északi-
sarkok, Északi-sarka

Déli-sark

Déli-sark, Déli-sarkot, Déli-sarkok,
Déli-sarka

egyenlítő

egyenlítő, egyenlítőt, egyenlítők,
egyenlítője

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

barlang

barlang, barlangot, barlangok,
barlangja

esőerdő

esőerdő, esőerdőt, esőerdők,
esőerdője

patak

patak, patakot, patakok, patakja

gleccser

gleccser, gleccsert, gleccserek,
gleccsere

part

part, partot, partok, partja

vízesés

vízesés, vízesést, vízesések, vízesése

vulkán

vulkán, vulkánt, vulkánok, vulkánja

kráter

kráter, krátert, kráterek, krátère

földrengés

földrengés, földrengést,
földrengések, földrengése

köd

köd, ködöt, ködök, ködje

árvíz

árvíz, árvizet, árvizek, árvice

légkör

légkör, légkört, légkörök, légköre

villám

villám, villámot, villámok, villámja

mennydörgés

mennydörgés, mennydörgést,
mennydörgések, mennydörgése

szivárvány

szivárvány, szivárványt,
szivárványok, szivárványa

tájfun

tájfun, tájfunt, tájfunok, tájfuna

hőmérséklet

hőmérséklet, hőmérsékletet,
hőmérsékletek, hőmérséklete

zivatar

zivatar, zivatart, zivatarok, zivatara

ág

ág, ágat, ágak, ága

felhő

felhő, felhőt, felhők, felhője

hurrikán

hurrikán, hurrikánt, hurrikánok,
hurrikánja

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

törzs

törzs, törzset, törzsek, törzse

gyökér

gyökér, gyökeret, gyökerek, gyökere

levél

levél, levelet, levelek, levele

szén-dioxid

szén-dioxid, szén-dioxidot, szén-dioxidok, szén-dioxidja

műanyag

műanyag, műanyagot, műanyagok, műanyaga

mag

mag, magot, magok, magja

oxigén

oxigén, oxigént, oxigének, oxigénje

vas

vas, vasat, vasak, vasa

atom

atom, atomot, atomok, atomja

ezüst

ezüst, ezüstöt, ezüstök, ezüstje

arany

arany, aranyat, aranyak, aranya

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

vonat

vonat, vonatot, vonatok, vonata

busz

busz, buszt, buszok, busza

autó

autó, autót, autók, autója

repülő

repülő, repülőt, repülők, repülője

buszmegálló

buszmegálló, buszmegállót,
buszmegállók, buszmegállója

vasútállomás

vasútállomás, vasútállomást,
vasútállomások, vasútállomása

bicikli

bicikli, biciklit, biciklik, biciklije

teherautó

teherautó, teherautót, teherautók,
teherautója

hajó

hajó, hajót, hajók, hajója

közlekedési lámpa

lámpa, lámpát, lámpák, lámpája

taxi

taxi, taxit, taxik, taxija

motorbicikli

motorbicikli, motorbiciklit,
motorbiciklik, motorbiciklije

akkumulátor

akkumulátor, akkumulátort,
akkumulátorok, akkumulátora

út

út, utat, utak, útja

parkoló

parkoló, parkolót, parkolók, parkolója

kormánykerék

kormánykerék, kormánykereket,
kormánykerekek, kormánykereke

légszák

légszák, légszákot, légszákok,
légszákja

motor

motor, motort, motorok, motora

hátsó csomagtartó

csomagtartó, csomagtartót,
csomagtartók, csomagtartója

gumiabroncs

gumiabroncs, gumiabroncsot,
gumiabroncsok, gumiabroncsa

biztonsági öv

öv, övet, övek, öve

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

metró

metró, metró, metró, metrója

jegypénztár

jegypénztár, jegypénztárat,
jegypénztárak, jegypénztára

jegyautomata

jegyautomata, jegyautomatát,
jegyautomaták, jegyautomatája

villamos

villamos, villamost, villamosok,
villamosa

mozdony

mozdony, mozdonyt, mozdonyok,
mozdonya

gyorsvonat

gyorsvonat, gyorsvonatot,
gyorsvonatok, gyorsvonata

repülőter

repülőter, repülőteret, repülőterek,
repülőtere

minibusz

minibusz, minibuszt, minibuszok,
minibusza

iskolabusz

iskolabusz, iskolabuszt, iskolabuszok,
iskolabusza

első osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

helikopter

helikopter, helikoptert, helikopterek,
helikoptere

légitársaság

légitársaság, légitársaságot,
légitársaságok, légitársasága

mentőmellény

mentőmellény, mentőmellényt,
mentőmellények, mentőmellénye

business osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

turista osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

luxushajó

luxushajó, luxushajót, luxushajók,
luxushajója

tengeralattjáró

tengeralattjáró, tengeralattjárót,
tengeralattjárók, tengeralattjárója

konténer

konténer, konténert, konténerek,
konténere

komp

komp, kompot, kompok, kompja

jacht

jacht, jachtot, jachtok, jachtja

konténerhajó

konténerhajó, konténerhajót,
konténerhajók, konténerhajója

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

radar, radart, radarok, radarja

mentőcsónak

mentőcsónak, mentőcsónakot,
mentőcsónakok, mentőcsónakja

kikötő

kikötő, kikötőt, kikötők, kikötője

benzinkút

benzinkút, benzinkútat, benzinkútak,
benzinkútja

járda

járda, járdát, járdák, járdája

utcai lámpa

lámpa, lámpát, lámpák, lámpája

forgalmi dugó

dugó, dugót, dugók, dugója

zebra

zebra, zebrát, zebrák, zebrája

építkezés

építkezés, építkezést, építkezések,
építkezése

kotrógép

kotrógép, kotrógépet, kotrógépek,
kotrógépe

tank

tank, tankot, tankok, tankja

autópálya

autópálya, autópályát, autópályák,
autópályája

robogó

robogó, robogót, robogók, robogója

utánfutó

utánfutó, utánfutót, utánfutók,
utánfutója

traktor

traktor, traktort, traktorok, traktora

felvonó

felvonó, felvonót, felvonók, felvonója

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ház

ház, házat, házak, háza

iskola

iskola, iskolát, iskolák, iskolája

kórház

kórház, kórházat, kórházak, kórháza

szupermarket

szupermarket, szupermarketet,
szupermarketek, szupermarketje

piac

piac, piacot, piacok, piaca

számla

számla, számlát, számlák, számlája

tanya

tanya, tanyát, tanyák, tanyája

egyetem

egyetem, egyetemet, egyetemek,
egyeteme

lakás

lakás, lakást, lakások, lakása

bár

bár, bárt, bárak, bárja

étterem

étterem, éttermet, éttermek,
étterme

templom

templom, templomot, templomok,
templomja

WC

WC, WC-t, WC-k, WC-je

park

park, parkot, parkok, parkja

edzőterem

edzőterem, edzőtermet, edzőtermek,
edzőterme

rendőrség

rendőrség, rendőrséget,
rendőrségek, rendőrsége

mentőszolgálat

mentőszolgálat, mentőszolgálatot,
mentőszolgálatok, mentőszolgálata

térkép

térkép, térképet, térképek, térképe

külváros

külváros, külvárost, külvárosok,
külvárosa

ország

ország, országot, országok, országa

tűzoltók

tűzoltó, tűzoltót, tűzoltók, tűzoltója

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

bevásárlóközpont

bevásárlóközpont,
bevásárlóközpontot,
bevásárlóközpontok,
bevásárlóközpontja

garancia

garancia, garanciát, garanciák,
garanciája

falu

falu, falut, falvak, faluja

kastély

kastély, kastélyt, kastélyok, kastélya

felhőkarcoló

felhőkarcoló, felhőkarcolót,
felhőkarcolók, felhőkarcolója

gyógyszertár

gyógyszertár, gyógyszertárat,
gyógyszertárak, gyógyszertára

templom

templom, templomot, templomok,
templomja

zsinagóga

zsinagóga, zsinagógát, zsinagógák,
zsinagógája

nagykövetség

nagykövetség, nagykövetséget,
nagykövetségek, nagykövetsége

városháza

városház, városházát, városházak,
városháza

mecset

mecset, mecsetet, mecsetek,
mecsete

gyár

gyár, gyárat, gyárak, gyára

diszkó

diszkó, diszkót, diszkók, diszkója

szökőkút

szökőkút, szökőkútát, szökőkútak,
szökőkútja

posta

posta, postát, posták, postája

futballstadion

futballstadion, footballstadion,
futballstadionok, footballstadionja

golfpálya

golfpálya, golfpályát, golfpályák,
golfpályája

pad

pad, padot, padok, padja

turista információ

információ, információt, információk,
információja

tenispálya

tenispálya, tenispályát,
tenispályák, tenispályája

úszómedence

úszómedence, úszómedencét,
úszómedencék, úszómedencéje

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

múzeum

múzeum, múzeumot, múzeumok,
múzeuma

képtár

képtár, képtárat, képtárak, képtárja

 kaszinó

kaszinó, kaszinót, kaszinók,
kaszinója

akvárium

akvárium, akváriumot, akváriumok,
akváriumja

ajándéktárgy

ajándéktárgy, ajándéktárgyat,
ajándéktárgyak, ajándéktárgya

nemzeti park

park, parkot, parkok, parkja

csúszdapark

csúszdapark, csúszdaparkot,
csúszdaparkok, csúszdaparkja

hullámvasút

hullámvasút, hullámvasutat,
hullámvasutak, hullámvasútja

vízi csúszda

csúszda, csúszdát, csúszdák,
csúszdája

vészkijárat

vészkijárat, vészkijáratot,
vészkijáratok, vészkijárata

játszótér

játszótér, játszóteret, játszóterek,
játszótere

állatkert

állatkert, állatkertet, állatkertek,
állatkertje

rendőrállomás

rendőrállomás, rendőrállomást,
rendőrállomások, rendőrállomása

tűzoltó készülék

készülék, készüléket, készülékek,
készüléke

tűzjelző

tűzjelző, tűzjelzőt, tűzjelzők,
tűzjelzője

főváros

főváros, fővárost, fővárosok,
fővárosa

régió

régió, régiót, régiók, régiója

állam

állam, államot, államok, állama

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

műtét

műtét, műtétet, műtétek, műtétje

beteg

beteg, beteget, betegek, betege

baleset

baleset, balesetet, balesetek, balesete

köhögés

köhögés, köhögést, köhögések, köhögése

láz

láz, lázat, -, láza

tabletta

tabletta, tablettát, tabletták, tablettája

váróterem

váróterem, várótermet, várótermek, váróterme

intenzív osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

sürgősségi

sürgősségi, sürgősségit, sürgősségik, sürgősségije

lejárati dátum

dátum, dátumot, dátumok, dátuma

altató tabletta

tabletta, tablettát, tabletták, tablettája

aszpirin

aszpirin, aszpirint, aszpirinek, aszpirinje

mellékhatás

mellékhatás, mellékhatást, mellékhatások, mellékhatása

köhögés elleni gyógyszer

gyógyszer, gyógyszert, gyógyszerek, gyógyszerre

dózis

dózis, dózist, dózisok, dózisa

kapszula

kapszula, kapszulát, kapszulák, kapszulája

por

por, port, porok, pora

inzulin

inzulin, inzulint, inzulinok, inzulinja

antibiotikum

antibiotikum, antibiotikumot, antibiotikumok, antibiotikuma

fájdalomcsillapító

fájdalomcsillapító, fájdalomcsillapítót, fájdalomcsillapítók, fájdalomcsillapítója

vitamin

vitamin, vitamint, vitaminok, vitaminja

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

szívroham

szívroham, szívrohamot,
szívrohamok, szívrohama

vírus

vírus, vírust, vírusok, vírusa

baktérium

baktérium, baktériumot,
baktériumok, baktériuma

agyvérzés

agyvérzés, agyvérzést, agyvérzések,
agyvérzése

cukorbetegség

cukorbetegség, cukorbetegséget,
cukorbetegségek, cukorbetegsége

hasmenés

hasmenés, hasmenést, hasmenések,
hasmenése

influenza

influenza, influenzát, influenzák,
influenzája

rák

rák, rákot, rákok, rákja

asztma

asztma, asztmát, asztmák, asztmája

torokfájás

torokfájás, torokfájást, torokfájások,
torokfájása

leégés

leégés, leégést, leégések, leégése

fogfájás

fogfájás, fogfájást, fogfájások,
fogfájása

allergia

allergia, allergiát, allergiák, allergiája

fertőzés

fertőzés, fertőzést, fertőzések,
fertőzése

gyomorfájás

gyomorfájás, gyomorfájást,
gyomorfájások, gyomorfájása

fecskendő

fecskendő, fecskendőt, fecskendők,
fecskendője

fejfájás

fejfájás, fejfájást, fejfájások, fejfájása

görcs

görcs, görcsöt, görcsök, görcse

ultrahangkészülék

ultrahangkészülék,
ultrahangkészüléket,
ultrahangkészülékek,
ultrahangkészüléke

röntgenfelvétel

röntgenfelvétel, röntgenfelvételt,
röntgenfelvételek, röntgenfelvétele

mankó

mankó, mankót, mankók, mankója

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

gipszkötés

gipszkötés, gipszkötést,
gipszkötések, gipszkötése

kerekesszék

kerekesszék, kerekesszéket,
kerekesszékek, kerekesszéke

ragtapasz

ragtapasz, ragtapaszt, ragtapaszok,
ragtapasza

vészhelyzet

vészhelyzet, vészhelyzetet,
vészhelyzetek, vészhelyzete

sérülés

sérülés, sérülést, sérülések, sérülése

pulzus

pulzus, pulzust, pulzusok, pulzusa

törés

törés, törést, törések, törése

égés

égés, égést, égések, égése

agyrázkódás

agyrázkódás, agyrázkódást,
agyrázkódások, agyrázkódása

terhességi teszt

teszt, tesztet, tesztek, tesztje

fogamzásgátló tabletta

tabletta, tablettát, tabletták,
tablettája

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

rendőr

rendőr, rendőrt, rendőrök, rendőre

nővér

nővér, nővért, nővérek, nővére

doktor

doktor, doktort, doktorok, doktora

nyomozó

nyomozó, nyomozót, nyomozók,
nyomozója

kapitány

kapitány, kapitányt, kapitányok,
kapitánya

elnök

elnök, elnököt, elnökök, elnöke

tanár

tanár, tanárt, tanárok, tanára

professzor

professzor, professzort,
professzorok, professzora

pilóta

pilóta, pilótát, pilóták, pilótája

asszisztens

asszisztens, asszisztentst,
asszisztensek, asszisztense

titkárnő

titkárnő, titkárnőt, titkárnők,
titkárnője

ügyvéd

ügyvéd, ügyvédet, ügyvédek,
ügyvédje

szakács

szakács, szakácsot, szakácsok,
szakácsa

menedzser

menedzser, menedzsert,
menedzserek, menedzsere

bíró

bíró, bírót, bírók, bírója

modell

modell, modellt, modellek, modellje

buszsofőr

buszsofőr, buszsofőrt, buszsofőrök,
buszsofőrije

taxisofőr

taxisofőr, taxisofőrt, taxisofőrök,
taxisofőrije

gyógyszerész

gyógyszerész, gyógyszerészt,
gyógyszerészek, gyógyszerésze

miniszterelnök

miniszterelnök, miniszterelnököt,
miniszterelnökök, miniszterelnöke

művész

művész, művészt, művészek,
művésze

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

vállalkozó

vállalkozó, vállalkozót, vállalkozók,
vállalkozója

fogorvos

fogorvos, fogorvost, fogorvosok,
fogorvosa

tűzoltó

tűzoltó, tűzoltót, tűzoltók, tűzoltója

légiutas kísérő

légiutas kísérő, légiutas kísérőt,
légiutas kísérők, légiutas kísérője

programozó

programozó, programozót,
programozók, programozója

politikus

politikus, politikust, politikusok,
politikusa

építész

építész, építészt, építészek, építésze

óvónő

óvónő, óvónőt, óvónők, óvónője

tudós

tudós, tudóst, tudósok, tudósa

ügyész

ügyész, ügyészt, ügyészek, ügyésze

tanácsadó

tanácsadó, tanácsadót, tanácsadók,
tanácsadója

könyvelő

könyvelő, könyvelőt, könyvelők,
könyvelője

háziúr

háziúr, háziurat, háziurak, háziura

testőr

testőr, testőrt, testőrök, testőre

főigazgató

főigazgató, főigazgatót, főigazgatók,
főigazgatója

katona

katona, katonát, katonák, katonája

biztonsági őr

őr, őrt, őrk, őrje

pincér

pincér, pincért, pincérek, pincére

vízvezeték szerelő

szerelő, szerelőt, szerelők, szerelője

takarító

takarító, takarítót, takarítók,
takarítója

halász

halász, halászt, halászok, halásza

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

recepció

recepció, recepcióst, recepciók,
recepciósa

gazda

gazda, gazdát, gazdák, gazdája

villanyszerelő

villanyszerelő, villanyszerelőt,
villanyszerelők, villanyszerelője

fodrász

fodrász, fodrászt, fodrászok, fodrásza

pénztáros

pénztáros, pénztárost, pénztárosok,
pénztárosa

postás

postás, postást, postások, postása

fényképész

fényképész, fényképészt,
fényképészek, fényképésze

újságíró

újságíró, újságírót, újságírók,
újságírója

író

író, írót, írók, írója

zenész

zenész, zenészt, zenészek, zenésze

énekes

énekes, énekest, énekesek, énekese

vizimentő

vizimentő, vizimentőt, vizimentők,
vizimentője

edző

edző, edzőt, edzők, edzője

riporter

riporter, riportert, riporterek,
riportere

színész

színész, színészt, színészek, színésze

játékvezető

játékvezető, játékvezetőt,
játékvezetők, játékvezetője

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stressz

stressz, stresszt, stresszek, stressze

iroda

iroda, irodát, irodák, irodája

pénz

pénz, pénzt, pénzek, pénze

osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

alkalmazottak

alkalmazott, alkalmazottat,
alkalmazottak, alkalmazottja

biztosítás

biztosítás, biztosítást, biztosítások,
biztosítása

levél

levél, levelet, levelek, levele

cím

cím, címet, címek, címe

fizetés

fizetés, fizetést, fizetések, fizetése

e-mail cím

cím, címet, címek, címe

url

url, url-t, url-ek, url-je

telefonszám

telefonszám, telefonszámot,
telefonszámok, telefonszáma

aláírás

aláírás, aláírást, aláírások, aláírása

e-mail

e-mail, e-mailt, e-mailek, e-mailje

weboldal

weboldal, weboldalt, weboldalak,
weboldala

ügyfél

ügyfél, ügyfelet, ügyfelek, ügyfele

nyereség

nyereség, nyereséget, nyereségek,
nyeresége

veszteség

veszteség, veszteséget,
veszteségek, vesztesége

jelszó

jelszó, jelszót, jelszavak, jelszava

hitelkártya

hitelkártya, hitelkártyát, hitelkártyák,
hitelkártyája

összeg

összeg, összeget, összegek, összege

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

tárgyaló

tárgyaló, tárgyalót, tárgyalók,
tárgyalója

adó

adó, adót, adók, adója

bankautomata

bankautomata, bankautomatát,
bankautomaták, bankautomatája

emberi erőforrások

erőforrás, erőforrást, erőforrások,
erőforrása

informatika

informatika, informatikát,
informatikák, informatikája

névjegykártya

névjegykártya, névjegykártyát,
névjegykártyák, névjegykártyája

marketing

marketing, marketinget,
marketingek, marketingje

könyvelés

könyvelés, könyvelést, könyvelések,
könyvelése

jogi osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

munkaadó

munkaadó, munkaadót, munkaadók,
munkaadója

kolléga

kolléga, kollégát, kollégák, kollégája

eladás

eladás, eladást, eladások, eladása

prezentáció

prezentáció, prezentációt,
prezentációk, prezentációja

jegyzet

jegyzet, jegyzetet, jegyzetek,
jegyzete

alkalmazott

alkalmazott, alkalmazottat,
alkalmazottak, alkalmazottja

vetítógép

vetítógép, vetítógépet, vetítógépek,
vetítógépe

bélyegző

bélyegző, bélyegzőt, bélyegzők,
bélyegzője

dosszié

dosszié, dossziét, dossziék, dossziéja

boríték

boríték, borítékot, borítékok,
borítékja

bélyeg

bélyeg, bélyeget, bélyegek, bélyege

csomag

csomag, csomagot, csomagok,
csomagja

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

tőzsde

tőzsde, tőzsdét, tőzsdék, tőzsdéje

befektetés

befektetés, befektetést,
befektetések, befektetése

böngésző

böngésző, böngészőt, böngészők,
böngészője

kamat

kamat, kamatot, kamatok, kamata

érme

érme, érmét, érmék, érméje

bankjegy

bankjegy, bankjegyet, bankjegyek,
bankjegye

bankszámla

bankszámla, bankszámlát,
bankszámlák, bankszámlája

számlaszám

számlaszám, számlaszámot,
számlaszámok, számlaszámja

hitel

hitel, hitelt, hitelek, hitele

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

kamera

kamera, kamerát, kamerák,
kamerája

TV készülék

készülék, készüléket, készülékek,
készüléke

telefon

telefon, telefont, telefonok, telefonja

légkondicionáló

légkondicionáló, légkondicionálót,
légkondicionálók, légkondicionálója

ventilátor

ventilátor, ventilátort, ventilátorok,
ventilátorja

rádió

rádió, rádiót, rádiók, rádiója

porszívó

porszívó, porszívót, porszívók,
porszívója

kenyérpirító

kenyérpirító, kenyérpirítót,
kenyérpirítók, kenyérpirítója

kávéfőző

kávéfőző, kávéfőzőt, kávéfőzők,
kávéfőzője

mosogatógép

mosogatógép, mosogatógépet,
mosogatógépek, mosogatógépje

vízforraló

vízforraló, vízforralót, vízforralók,
vízforralója

hajszárító

hajszárító, hajszárítót, hajszárítók,
hajszárítója

mikrohullámú sütő

sütő, sütőt, sütők, sütője

sütő

sütő, sütőt, sütők, sütője

tűzhely

tűzhely, tűzhelyet, tűzhelyek,
tűzhelye

távírányító

távírányító, távírányítót, távírányítók,
távírányítója

mosógép

mosógép, mosógépet, mosógépek,
mosógépje

hűtőszekrény

hűtőszekrény, hűtőszekrényt,
hűtőszekrények, hűtőszekrénye

billentyűzet

billentyűzet, billentyűzetet,
billentyűzetek, billentyűzete

egér

egér, egeret, egerek, egere

fülhallgató

fülhallgató, fülhallgatót, fülhallgatók,
fülhallgatója

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

szkenner

szkenner, szkennert, szkennerek,
szkennere

USB kulcs

kulcs, kulcsot, kulcsok, kulcsa

merevlemez

merevlemez, merevlemezt,
merevlemezek, merevlemeze

laptop

laptop, laptopot, laptopok, laptopja

képernyő

képernyő, képernyőt, képernyők,
képernyője

nyomtató

nyomtató, nyomtatót, nyomtatók,
nyomtatója

hangszóró

hangszóró, hangszórót, hangszórók,
hangszórója

robot

robot, robotot, robotok, robotja